

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/HS-ST
Ngày 18/8/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Như Lữ.

2. Ông Lò Văn Điện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông tham gia phiên tòa: Ông Vũ Trí Giáp, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Tòng Văn S (tên gọi khác: không); sinh năm: 1966, nơi sinh: huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nơi cư trú: bản P, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: nông nghiệp; trình độ văn hoá: 07/10; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tòng Văn O, sinh năm 1929 và con bà Lò Thị T (đã chết); Gia đình bị cáo có 05 anh em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; có vợ là Cà Thị D, sinh năm 1969 và có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1987, con nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: chưa bị kết án; chưa bị xử lý hành chính; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/3/2022 đến ngày 08/4/2022 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: Cà Văn T (tên gọi khác: không); sinh năm: 1982, tại huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nơi cư trú: bản P, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: nông nghiệp; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cà Văn U, sinh năm 1946 và con bà Cà Thị T, sinh năm 1948; Gia đình bị cáo có 10 anh em ruột, bị cáo là con thứ bảy trong gia đình; vợ là Quảng Thị E, sinh năm 1983 và có 04 người con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: chưa bị kết án; chưa bị xử lý hành chính; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/3/2022 đến ngày 08/4/2022 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

3. Họ và tên: Quảng Văn T (tên khác: không); sinh năm: 1981, nơi sinh: huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nơi cư trú: bản G, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: nông nghiệp; trình độ văn hoá: 3/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Quảng Văn H, sinh năm 1955 và con bà Lò Thị T, sinh năm 1953; gia đình bị cáo có 06 anh em ruột, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; vợ là Lò Thị T, sinh năm 1982 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: chưa bị kết án; chưa bị xử lý hành chính; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/3/2022 đến ngày 08/4/2022 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Tòng Văn S và bị cáo Quảng Văn T: Bà Lê Thị D, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Cà Văn T: Bà Nguyễn Thị Thu H, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

Người làm chứng: anh Quảng Văn K, sinh năm: 1983, trú tại bản G, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 00 phút ngày 30/3/2022, Cà Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, biển kiểm soát 27B2-221.08 chở Tòng Văn S; Quảng Văn K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave 110S, biển kiểm soát 27B1-381.96 chở Quảng Văn T đi từ bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên đến huyện Điện Biên Đông, khi về đến bản C, xã K, huyện Đ thì dừng xe lại để nghỉ ngơi và tại đây Tì rừ S và T cùng góp tiền lại để mua ma túy về sử dụng, S và T đồng ý, T góp 100.000 đồng và T góp 50.000 đồng đưa Soạn đi mua ma túy. S cầm tiền đi vào trong bản C, xã k gặp và nhờ một người đàn ông dân tộc Thái không quen biết mua được 04 viên Methamphetamine với giá 150.000 đồng. Sau khi mua được ma túy Soạn cất gói ma túy vào trong túi áo khoác bên trái đang mặc rồi đi bộ về chỗ T, T và Kròi bảo mọi người đi xuống rừng cách đường để sử dụng ma túy nhưng chưa kịp sử dụng thì bị Tổ công tác Công an thị trấn Đ phát hiện, bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng.

Vật chứng thu giữ một gói nilon màu hồng bên trong có 04 viên nén màu hồng (ngghi là Methamphetamine). Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định chất ma túy ngày 30/3/2022 đã xác định 04 viên nén màu hồng thu giữ trong người của Tòng Văn S có khối lượng 0,35 gam trích 0,08 gam gửi giám định. Tại bản kết luận giám định số 488/KL - KTTHS ngày 07/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Mẫu viên nén màu hồng trích ra từ vật chứng thu giữ của Tòng Văn S là ma túy loại Methamphetamine, không hoàn lại mẫu vật sau khi giám định; Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy quy định tại Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Tại bản Cáo trạng số: 56/CT-VKSĐBĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên truy tố Tòng Văn S, Cà Văn T và

Quàng Văn T về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Tòng Văn S và Quàng Văn T mỗi bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Bị cáo Cà Văn T 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 0,27 gam Methamphetamine còn lại sau giám định. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo lập luận bào chữa cho các bị cáo như sau: Nhất trí với tội danh và điều luật Viện kiểm sát truy tố các bị cáo; nhất trí với phân tích và đề xuất Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo; phân tích làm rõ thêm tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo là do buồn ngủ phải đi xe về nhà nên nghĩ đến việc sử dụng ma túy để tỉnh táo, bị cáo T và S chưa sử dụng ma túy bao giờ; các bị cáo chưa tiền án, tiền sự; sinh sống tại khu vực có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, nhận thức pháp luật có hạn chế nên đề nghị cho các bị cáo hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo nhất trí với quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét hành vi của các bị cáo thấy rằng: Tại phiên tòa các bị cáo Tòng Văn S, Cà Văn T và Quàng Văn T đều khai nhận vào khoảng 09 giờ 30 ngày 17/6/2021 khi đi thăm người nhà về đến khu vực bản C, các bị cáo buồn ngủ nên mới rủ nhau góp tiền mua được 04 viên Methamphetamine với giá 150.000 đồng để sử dụng cho tỉnh táo, nhưng chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện bắt giữ. Bị cáo S và T chưa sử dụng ma túy bao giờ, còn bị cáo T đã từng sử dụng nhưng chưa nghiện.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo đều là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; các bị cáo cũng đều nhận thức rõ được sự nghiêm cấm của pháp luật về việc tàng trữ trái phép chất ma túy, biết rõ tác hại của chất ma túy gây ra cho sức khỏe con người nhưng vẫn cố tình nhận thức lệch lạc cho rằng sử dụng ma túy để tỉnh táo dẫn đến mua tàng trữ trái phép chất ma túy. Với lời khai nhận tội và vật chứng thu giữ của các bị cáo qua cân xác định khối lượng và kết luận giám định là 0,35 gam Methamphetamine buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa

cho các bị cáo đều nhất trí với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố, Tòa án đưa ra xét xử.

[2]. Xét tính chất mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo Tòng Văn S, Cà Văn T và Quàng Văn T thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội.

Bản thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, sinh ra lớn lên tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, hiện nay đã lập gia đình riêng nhưng do thiếu ý thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức dẫn đến vi phạm pháp luật như ngày hôm nay. Các bị cáo phải chịu trách nhiệm cho hành vi mà mình đã thực hiện.

Tuy nhiên, tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo Tòng Văn S có bố là Tòng Văn O được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, bị cáo Cà Văn T có bố là ông Cà Văn U được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì và bị cáo Quàng Văn T có bà nội là Quàng Thị H được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo. Các bị cáo không phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa và tài liệu người nhà bị cáo Cà Văn T cung cấp, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định lý lịch của bị cáo Cà Văn T có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2003 không phải như cơ quan điều tra đã xác minh trong hồ sơ, do đó Hội đồng xét xử điều chỉnh ghi nhận trong phần nhân thân của bị cáo T.

[3]. Xét vai trò các bị cáo trong vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy tuy vai trò của các bị cáo trong vụ án có khác nhau trong đó bị cáo Quàng Văn S là người trực tiếp nhận tiền từ các bị cáo T, T đi tìm mua ma túy; bị cáo T và T là những người tích cực góp tiền, giúp sức cho việc thực hiện hành vi phạm tội. Nhưng do tính chất vụ việc chỉ là đồng phạm giản đơn cùng nhau góp tiền đi mua ma túy sử dụng nên các bị cáo sẽ phải cùng nhau chịu trách nhiệm đối với khối lượng 0,35 gam Methamphetamine.

[4]. Về hình phạt

Hình phạt chính: Căn cứ phân tích từ mục [1] đến mục [3] Hội đồng xét xử, xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp tuy nhiên các bị cáo sẽ phải chịu mức hình phạt như nhau.

Hình phạt bổ sung: Theo quy định của pháp luật các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên xét thấy hoàn cảnh gia đình của các bị cáo sinh sống tại vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, thu nhập phụ thuộc vào làm ruộng, làm nương, cuộc sống khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo như đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cho các bị cáo đã phân tích, đề xuất.

[4] Về vật chứng vụ án:

Đối với 0,27 gam Methamphetamine còn lại sau giám định là chất Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành. Do đó, cần tịch thu tiêu hủy toàn bộ theo điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

5] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Điện Biên Đông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, đang cư trú tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa các bị cáo xin miễn án phí. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[7]. Các vấn đề khác trong vụ án:

Đối với người đàn ông dân tộc Thái theo lời khai của bị cáo Tòng Văn S là người mua hộ ma túy cho bị cáo S, do bị cáo không biết rõ tên, địa chỉ cụ thể nên không đủ thông tin để điều tra, xác minh làm rõ. Do vậy, cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý trong vụ án, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Quàng Văn K, sinh năm: 1983; Trú tại bản G, xã I, huyện Đ, tỉnh Điện Biên có đi cùng với các bị cáo để sử dụng ma túy nhưng không biết việc các bị cáo bàn bạc, thỏa thuận góp tiền mua ma túy sử dụng nên chưa đủ cơ sở để khởi tố hình sự. Hội đồng xét xử nhất trí không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố các bị cáo Tòng Văn S, Cà Văn T và Quàng Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt bị cáo Tòng Văn S 01 (một) năm tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ là 09 ngày, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tù là 11 tháng 21 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Soạn đi chấp hành hình phạt tù.

- Xử phạt bị cáo Cà Văn T 01 (một) năm tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ là 09 ngày, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tù là 11 tháng 21 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo T đi chấp hành hình phạt tù.

- Xử phạt bị cáo Quàng Văn T 01 (một) năm tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ là 09 ngày, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tù là 11 tháng 21 ngày tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Thoái đi chấp hành hình phạt tù.

2. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 0,27 gam Methamphetamine (đã trừ giám định). Vật chứng đã được niêm phong và bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 15 giờ 00 phút ngày 27/7/2022 giữa cơ quan Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ.

3. Căn cứ Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

4. Căn cứ vào Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/8/2022).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Nhà tạm giữ C.A huyện Đ;
- Cơ quan CSĐT C.A huyện Đ;
- Phòng KTNV&THA TA tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan THAHS C.A tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- CC.THADS huyện Đ;
- Lưu: Hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Nga